

Phụ lục I

PHỤ LỤC TỔNG HỢP CÁC KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TÀI CHÍNH ĐÃ THỰC HIỆN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi, nộp Ngân sách các khoản chi sai quy định		Thu hồi kinh phí thừa		Giảm thanh toán, giảm dự toán năm sau		Xử lý tài chính khác	Ghi chú
	Đơn vị		Thường xuyên	Xây dựng cơ bản	Thường xuyên	Xây dựng cơ bản	Thường xuyên	Xây dựng cơ bản		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG (A+B)	61.075.751.151	886.566.496	981.195.909	32.168.334.201	21.699.221.517	2.321.074.552	3.019.358.476	251.674.703.023	
A	KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022	61.075.751.151	886.566.496	981.195.909	32.168.334.201	21.699.221.517	2.321.074.552	3.019.358.476	251.514.649.621	
I	Kiểm toán tổng hợp tại Sở Tài chính	32.240.535.225	518.929.397		8.077.049.400	21.699.221.517	1.945.334.911		218.819.635.088	
1	Sở Tài chính	32.240.535.225	518.929.397		8.077.049.400	21.699.221.517	1.945.334.911		218.819.635.088	
1.1	Sở Giao thông Vận tải	518.929.397	518.929.397							
1.2	Thành phố Rạch Giá	549.962.003					549.962.003			
1.3	Huyện Châu Thành	103.024.845					103.024.845			
1.4	Huyện Tân Hiệp	208.323.486					208.323.486			
1.5	Huyện Giồng Riềng	153.660.771					153.660.771			
1.6	Huyện Gò Quao	710.244.218					710.244.218			
1.7	Huyện An Biên	220.119.588					220.119.588			
1.8	Nộp trả ngân sách Trung ương	29.776.270.917			8.077.049.400	21.699.221.517				
1.9	Nộp trả Quỹ Dự trữ tài chính	0							218.819.635.088	
II	Các huyện, thành phố	24.834.661.541	367.637.099		24.091.284.801		375.739.641		31.970.695.533	
1	Thành phố Phú Quốc	5.119.504.031	178.500.459		4.730.360.495		210.643.077		0	
	Nộp trả Ngân sách Trung ương	0			0					
	Nộp trả Ngân sách tỉnh	4.730.360.495			4.730.360.495					
2	Huyện Châu Thành	17.016.323.046	22.072.537		16.829.153.945		165.096.564		17.056.153.945	
	Nộp trả NS tỉnh	16.829.153.945			16.829.153.945					
	Giảm chuyển nguồn, tăng kết dư	0							17.056.153.945	
	Bổ trí nguồn hoàn trả nguồn cải cách tiền lương	0								
3	Huyện Giang Thành	2.412.531.879	102.527.293		2.310.004.586				13.244.796.390	
	Nộp trả Ngân sách tỉnh	2.057.152.569			2.057.152.569					
	Nộp trả Ngân sách huyện	252.852.017			252.852.017					
	Giảm chuyển nguồn, tăng kết dư	0							7.603.787.783	
	Trích bổ sung nguồn cải cách tiền lương từ nguồn 10% tiết kiệm chi thường xuyên.	0							2.451.700.000	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi, nộp Ngân sách các khoản chi sai quy định		Thu hồi kinh phí thừa		Giảm thanh toán, giảm dự toán năm sau		Xử lý tài chính khác	Ghi chú
	Đơn vị		Thường xuyên	Xây dựng cơ bản	Thường xuyên	Xây dựng cơ bản	Thường xuyên	Xây dựng cơ bản		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
3.3	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quéo)	0								
4	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	0						0	0	
4.1	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	0								
4.2	Đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	0								
B	CHUYÊN ĐỀ VỀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG GIAI ĐOẠN 2020-2022	0							160.053.402	
1	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kiên Giang	0							160.053.402	